

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 13-01-2025

Về việc “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thi Thị Ngọc Hạnh;
2. Ông Huỳnh Văn Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

Ngày 13 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 299/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà [Hồ Thị N](#), sinh năm 1963; Địa chỉ: [Áp F, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An](#) (Vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông [Nguyễn Văn M](#), sinh năm 1968; Địa chỉ: [Áp F, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An](#) (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 10 năm 2024, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn bà [Hồ Thị N](#) trình bày và yêu cầu: Bà và ông [Nguyễn Văn M](#) chung sống có đăng ký kết hôn tại [Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Long An](#) ngày 09-4-2015. [C](#) sống hạnh phúc đến khoảng năm 2017 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau về mọi mặt trong cuộc sống, đã ly thân từ năm 2017 đến nay.

Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông [Nguyễn Văn M](#);

Về nuôi con chung: Bà và ông M có 03 con chung tên Nguyễn Tấn K, sinh ngày 25-9-1984, Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 09-11-1987 và Nguyễn Tuyết M1, sinh ngày 06-12-1989, đều đã thành niên, không yêu cầu giải quyết.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Tại Bản tự khai ngày 25 tháng 12 năm 2024, bị đơn ông Nguyễn Văn M trình bày thống nhất trình bày của bà Hồ Thị N về ngày tháng điều kiện kết hôn, con chung, mâu thuẫn vợ chồng, thời gian ly thân, việc con chung đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết, việc không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và việc không có nợ chung.

Về hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Hồ Thị N.

- Vụ án không tiến hành hòa giải đoàn tụ được do bà Hồ Thị N và ông Nguyễn Văn M có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt.

Ngày 20-12-2024, bà Hồ Thị N có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt;

Ngày 25-12-2024, ông Nguyễn Văn M có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt;

Do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Hồ Thị N khởi kiện “Tranh chấp ly hôn” đối với ông Nguyễn Văn M; Tòa án nhân dân huyện Đ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Bà N, ông M có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn không có đơn rút yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

[4] Xét về hôn nhân:

[4.1] Bà N và ông M chung sống có đăng ký kết hôn ngày 09-4-2015 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông M là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] Đồng thời xét yêu cầu ly hôn của bà N và việc đồng ý ly hôn của ông M trước khi mở phiên tòa: Bà N và ông M cho rằng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau về mọi mặt trong cuộc sống, đã ly thân từ năm 2017 đến nay.

Xét từ khi xảy ra mâu thuẫn và ly thân đến nay, bà N và ông M không khắc phục được mâu thuẫn gia đình, bà N và ông M vẫn ly thân, mỗi người tự lo cho bản thân, không quan tâm chăm sóc nhau. Mâu thuẫn giữa bà N và ông M đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà N yêu cầu ly hôn, ông M đồng ý ly hôn trước khi mở phiên tòa là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên ghi nhận;

[5] Xét về nuôi con chung: Xét 03 con chung tên Nguyễn Tấn K, sinh ngày 25-9-1984, Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 09-11-1987 và Nguyễn Tuyết M1, sinh ngày 06-12-1989, đều đã thành niên, trước khi mở phiên tòa bà N và ông M thống nhất không yêu cầu giải quyết là sự tự nguyện của đương sự nên ghi nhận là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về chia tài sản chung: Bà N và ông M trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập. Nếu xảy ra tranh chấp, các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo pháp luật tố tụng dân sự là phù hợp quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] Về chia nợ chung: Bà N và ông M trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập. Nếu xảy ra tranh chấp, các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo pháp luật tố tụng dân sự là phù hợp quy định tại Điều 60 Luật Hôn nhân và gia đình.

[8] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xét thấy: Bà N và ông M thuận tình ly hôn trước khi mở phiên tòa, mỗi người phải chịu 150.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn; Tuy nhiên, bà N thuộc trường hợp không phải nộp tạm ứng án phí và án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 (người cao tuổi).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, các Điều 147, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Các Điều 55, 59, 60, 81, 82, 83, 84, 107 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Hồ Thị N và ông Nguyễn Văn M.

2. Về nuôi con chung: Bà Hồ Thị N và ông Nguyễn Văn M có 03 con chung tên Nguyễn Tấn K, sinh ngày 25-9-1984, Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 09-11-1987 và

Nguyễn Tuyết M1, sinh ngày 06-12-1989, các con chung đều đã thành niên, nên không yêu cầu giải quyết.

3. Về chia tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về chia nợ chung: Không có.

5. Về án phí:

Bà Hồ Thị N thuộc trường hợp được miễn tiền tạm ứng án phí và án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn M phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

6. Các đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã M (để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Nguyễn Hùng Vương